TÒA ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN C** **TỈNH THANH HÓA**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**
Số: 08/2018/QĐST-HNGĐ	*C, ngày 18 tháng 01 năm 2018*

QUYẾT ĐỊNH
CÔNG NHẬN THUẬN TÌNH LY HÔN VÀ SỰ THOẢ THUẬN CỦA CÁC ĐƯƠNG SỰ

Căn cứ hồ sơ vụ án dân sự thụ lý số 159/2017 -TLST/HNGĐ ngày 18 tháng 12 năm 2017 giữa:

Nguyên đơn: anh Trần Văn T, sinh ngày 29/02/1981

Nơi cư trú: Thôn 100, xã C, huyện C, tỉnh Thanh Hóa

Bị đơn : chị Hoàng Thị Nh, sinh ngày 14/10/1989

Quê quán: Bản 4, xã L, huyện B, tỉnh Lào Cai

Nơi cư trú: Thôn 100, xã C, huyện C, tỉnh Thanh Hóa

Căn cứ vào Điều 212 và Điều 213 của Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015;

Căn cứ vào các điều 55, 58, 81,82,83 của Luật hôn nhân và gia đình năm 2014 ;

Căn cứ vào biên bản ghi nhận sự tự nguyện ly hôn và hoà giải thành ngày 10 tháng 01 năm 2018.

XÉT THẤY:

Việc thuận tình ly hôn và thoả thuận của các đương sự được ghi trong biên bản ghi nhận sự tự nguyện ly hôn và hoà giải thành ngày 10 tháng 01 năm 2018 là hoàn toàn tự nguyện và không vi phạm điều cấm của luật, không trái đạo đức xã hội.

Đã hết thời hạn 07 ngày, kể từ ngày lập biên bản ghi nhận sự tự nguyện ly hôn và hoà giải thành, không có đương sự nào thay đổi ý kiến về sự thoả thuận đó.

QUYẾT ĐỊNH:

1. Công nhận sự thuận tình ly hôn giữa anh Trần Văn T và chị Hoàng Thị Nh

2. Công nhận sự thoả thuận của các đương sự cụ thể như sau:

Về hôn nhân: Công nhận sự thuận tình ly hôn giữa anh Trần Văn T và chị Hoàng Thị Nh

Về con cái: Vợ chồng có 02 con chung cháu Trần Tiến D, sinh ngày

06/10/2010 và cháu Trần Tiến S, sinh ngày 24/04/2014

Công nhận sự thỏa thuận nuôi con và cấp dưỡng nuôi con chung giữa anh T và chị Nh như sau: Giao cả hai cháu Trần Tiến D và cháu Trần Tiến S cho anh T trực tiếp nuôi dưỡng đến tuổi thành niên, chị Nh cấp dưỡng nuôi con chung với anh T cho cả hai cháu là 1.000.000đ (một triệu đồng)/01 tháng (mỗi cháu 500.000đ/01 tháng). Thời gian cấp dưỡng tính từ tháng 2/2018 trở đi, theo định kỳ hàng tháng.

Chị Nh có quyền đi lại thăm nom và chăm sóc con chung không ai được cản trở

Về tài sản: Vợ chồng tự thỏa thuận, không yêu cầu Tòa án giải quyết

Về án phí : Áp dụng khoản 3, khoản 4 điều 147-BLTTDS, điểm a khoản 5 điểm b, khoản 6 điều 27– Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH 14 quy định về mức thu, miễn giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí lệ phí Tòa án

Anh T, chị Nh mỗi người phải chịu 75.000đ án phí DSST. Chị Nh còn phải chịu 150.000đ án phí về cấp dưỡng nuôi con chung, anh T nhận nộp luôn phần án phí của chị Nh, được trừ vào số tiền tạm ứng án phí 300.000đ chị đã nộp theo biên lai thu số AA/2014/0000673 ngày 18/12/2017 của Chi cục thi hành án dân sự huyện C. Như vậy anh T đã nộp đủ án phí DSST

3. Quyết định này có hiệu lực pháp luật ngay sau khi được ban hành và không bị kháng cáo, kháng nghị theo thủ tục phúc thẩm.

Nơi nhận:
- Đương sự;
- VKSND huyện C;
-TAND tỉnh Thanh Hóa
- UBND xã C
- Thi hành án DS huyện C
- Lưu hồ sơ vụ án.

THẨM PHÁN

(ĐÃ KÝ)

Lê Thị Thanh